PHỤ LỤC I

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN SANG UBND HUYỆN CAO LỘC

(Kèm theo Quyết định số 1763 /QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2023 (đồng)	Lý do điều chuyển
I	**Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre TC M70s**	**Ban quản lý dự án VILG tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**UBND huyện Cao Lộc**			**22**	**385.000.000**	**231.000.000**	
1			Thị trấn Cao Lộc	2022	Bộ	1	17.500.000	10.500.000	
2			Thị trấn Đồng Đăng			1	17.500.000	10.500.000	
3			Xã Hợp Thành			1	17.500.000	10.500.000	
4			Xã Hồng Phong			1	17.500.000	10.500.000	
5			Xã Thụy Hùng			1	17.500.000	10.500.000	
6			Xã Phú Xá			1	17.500.000	10.500.000	
7			Xã Bình Trung			1	17.500.000	10.500.000	
8			Xã Xuân Long			1	17.500.000	10.500.000	
9			Xã Tân Thành			1	17.500.000	10.500.000	
10			Xã Bảo Lâm			1	17.500.000	10.500.000	
11			Xã Thanh Loà			1	17.500.000	10.500.000	
12			Xã Thạch Đạn			1	17.500.000	10.500.000	
13			Xã Lộc Yên			1	17.500.000	10.500.000	
14			Xã Cao Lâu			1	17.500.000	10.500.000	
15			Xã Xuất Lễ			1	17.500.000	10.500.000	
16			Xã Hoà Cư			1	17.500.000	10.500.000	
17			Xã Hải Yến			1	17.500.000	10.500.000	
18			Xã Công Sơn			1	17.500.000	10.500.000	
19			Xã Mẫu Sơn			1	17.500.000	10.500.000	
20			Xã Gia Cát			1	17.500.000	10.500.000	
21			Xã Tân Liên			1	17.500.000	10.500.000	
22			Xã Yên Trạch			1	17.500.000	10.500.000	
II	**Máy in A4 Canon LBP 6230dn**	**Ban quản lý dự án VILG tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**UBND huyện Cao Lộc**			**22**	**99.440.000**	**59.664.000**	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG tỉnh Lạng Sơn" đã kết thúc và không còn nhu cầu sử dụng các trang thiết bị phục vụ dự án. Việc điều chuyển tài sản nhằm tạo điều kiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại các huyện, thành phố thực hiện dự án thông qua việc phát triển và thực hiện Hệ thống thông tin đất đai đa mục
1			Thị trấn Cao Lộc			1	4.520.000	2.712.000	

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2023 (đồng)	Lý do điều chuyển
2			Thị trấn Đồng Đăng	2022	Bộ	1	4.520.000	2.712.000	Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu quốc gia
3			Xã Hợp Thành			1	4.520.000	2.712.000	
4			Xã Hồng Phong			1	4.520.000	2.712.000	
5			Xã Thụy Hùng			1	4.520.000	2.712.000	
6			Xã Phú Xá			1	4.520.000	2.712.000	
7			Xã Bình Trung			1	4.520.000	2.712.000	
8			Xã Xuân Long			1	4.520.000	2.712.000	
9			Xã Tân Thành			1	4.520.000	2.712.000	
10			Xã Bảo Lâm			1	4.520.000	2.712.000	
11			Xã Thanh Loà			1	4.520.000	2.712.000	
12			Xã Thạch Đạn			1	4.520.000	2.712.000	
13			Xã Lộc Yên			1	4.520.000	2.712.000	
14			Xã Cao Lâu			1	4.520.000	2.712.000	
15			Xã Xuất Lễ			1	4.520.000	2.712.000	
16			Xã Hoà Cư			1	4.520.000	2.712.000	
17			Xã Hải Yến			1	4.520.000	2.712.000	
18			Xã Công Sơn			1	4.520.000	2.712.000	
19			Xã Mẫu Sơn			1	4.520.000	2.712.000	
20			Xã Gia Cát			1	4.520.000	2.712.000	
21			Xã Tân Liên			1	4.520.000	2.712.000	
22			Xã Yên Trạch			1	4.520.000	2.712.000	
	TỔNG CỘNG					**44**	**484.440.000**	**290.664.000**	

PHỤ LỤC II

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN SANG UBND HUYỆN LỘC BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1763 /QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2023 (đồng)	Lý do điều chuyển
I	**Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre TC M70s**	**Ban quản lý dự án VILG tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**UBND huyện Lộc Bình**			**21**	**367.500.000**	**220.500.000**	
1			Thị trấn Lộc Bình	2022	Bộ	1	17.500.000	10.500.000	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG tỉnh Lạng Sơn" đã kết thúc và không còn nhu cầu sử dụng các trang thiết bị phục vụ dự án. Việc điều chuyển tài sản nhằm tạo điều kiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại các huyện, thành phố thực hiện dự án thông qua việc phát triển và thực hiện Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu quốc gia
2			Thị trấn Na			1	17.500.000	10.500.000	
3			Xã Mẫu Sơn			1	17.500.000	10.500.000	
4			Xã Yên Khoái			1	17.500.000	10.500.000	
5			Xã Tú Mịch			1	17.500.000	10.500.000	
6			Xã Hữu Khánh			1	17.500.000	10.500.000	
7			Xã Đồng Bục			1	17.500.000	10.500.000	
8			Xã Tam Gia			1	17.500.000	10.500.000	
9			Xã Tú Đoạn			1	17.500.000	10.500.000	
10			Xã Khuất Xá			1	17.500.000	10.500.000	
11			Xã Tĩnh Bắc			1	17.500.000	10.500.000	
12			Xã Sàn Viên			1	17.500.000	10.500.000	
13			Xã Hữu Lân			1	17.500.000	10.500.000	
14			Xã Lợi Bác			1	17.500.000	10.500.000	
15			Xã Nam Quan			1	17.500.000	10.500.000	
16			Xã Xuân Dương			1	17.500.000	10.500.000	
17			Xã Ái Quốc			1	17.500.000	10.500.000	
18			Xã Đông Quan			1	17.500.000	10.500.000	
19			Xã Khánh Xuân			1	17.500.000	10.500.000	
20			Xã Thống Nhất			1	17.500.000	10.500.000	
21			Xã Minh Hiệp			1	17.500.000	10.500.000	
II	**Máy in A4 Canon LBP 6230dn**	**Ban quản lý dự án VILG tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**UBND huyện Lộc Bình**			**21**	**94.920.000**	**56.952.000**	
1			Thị trấn Lộc Bình			1	4.520.000	2.712.000	
2			Thị trấn Na			1	4.520.000	2.712.000	
3			Xã Mẫu Sơn			1	4.520.000	2.712.000	

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2023 (đồng)	Lý do điều chuyển
4			Xã Yên Khoái	2022	Bộ	1	4.520.000	2.712.000	
5			Xã Tú Mịch			1	4.520.000	2.712.000	
6			Xã Hữu Khánh			1	4.520.000	2.712.000	
7			Xã Đồng Bục			1	4.520.000	2.712.000	
8			Xã Tam Gia			1	4.520.000	2.712.000	
9			Xã Tú Đoạn			1	4.520.000	2.712.000	
10			Xã Khuất Xá			1	4.520.000	2.712.000	
11			Xã Tĩnh Bắc			1	4.520.000	2.712.000	
12			Xã Sàn Viên			1	4.520.000	2.712.000	
13			Xã Hữu Lân			1	4.520.000	2.712.000	
14			Xã Lợi Bác			1	4.520.000	2.712.000	
15			Xã Nam Quan			1	4.520.000	2.712.000	
16			Xã Xuân Dương			1	4.520.000	2.712.000	
17			Xã Ái Quốc			1	4.520.000	2.712.000	
18			Xã Đông Quan			1	4.520.000	2.712.000	
19			Xã Khánh Xuân			1	4.520.000	2.712.000	
20			Xã Thống Nhất			1	4.520.000	2.712.000	
21			Xã Minh Hiệp			1	4.520.000	2.712.000	
	TỔNG CỘNG					**42**	**462.420.000**	**277.452.000**	

PHỤ LỤC III

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN SANG UBND HUYỆN BÌNH GIA

(Kèm theo Quyết định số 1763 /QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2023 (đồng)	Lý do điều chuyển
I	**Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre TC M70s**	**Ban quản lý dự án VILG tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**UBND huyện Bình Gia**			**19**	**332.500.000**	**199.500.000**	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG tỉnh Lạng Sơn" đã kết thúc và không còn nhu cầu sử dụng các trang thiết bị phục vụ dự án. Việc điều chuyển tài sản nhằm tạo điều kiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại các huyện, thành phố thực hiện dự án thông qua việc phát triển và thực hiện Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu quốc gia
1			Thị trấn Bình Gia	2022	Bộ	1	17.500.000	10.500.000	
2			Xã Bình La			1	17.500.000	10.500.000	
3			Xã Hoàng Văn Thụ			1	17.500.000	10.500.000	
4			Xã Hồng Thái			1	17.500.000	10.500.000	
5			Xã Minh Khai			1	17.500.000	10.500.000	
6			Xã Tân Văn			1	17.500.000	10.500.000	
7			Xã Hồng Phong			1	17.500.000	10.500.000	
8			Xã Hưng Đạo			1	17.500.000	10.500.000	
9			Xã Hoà Bình			1	17.500.000	10.500.000	
10			Xã Hoa Thám			1	17.500.000	10.500.000	
11			Xã Mông Ân			1	17.500.000	10.500.000	
12			Xã Quang Trung			1	17.500.000	10.500.000	
13			Xã Quý Hoà			1	17.500.000	10.500.000	
14			Xã Tân Hoà			1	17.500.000	10.500.000	
15			Xã Thiện Hoà			1	17.500.000	10.500.000	
16			Xã Thiện Long			1	17.500.000	10.500.000	
17			Xã Thiện Thuật			1	17.500.000	10.500.000	
18			Xã Vĩnh Yên			1	17.500.000	10.500.000	
19			Xã Yên Lỗ			1	17.500.000	10.500.000	
II	**Máy in A4 Canon LBP 6230dn**	**Ban quản lý dự án VILG tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**UBND huyện Bình Gia**			**19**	**85.880.000**	**51.528.000**	
1			Thị trấn Bình Gia			1	4.520.000	2.712.000	
2			Xã Bình La			1	4.520.000	2.712.000	
3			Xã Hoàng Văn Thụ			1	4.520.000	2.712.000	
4			Xã Hồng Thái			1	4.520.000	2.712.000	
5			Xã Minh Khai			1	4.520.000	2.712.000	

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2023 (đồng)	Lý do điều chuyển
6			Xã Tân Văn			1	4.520.000	2.712.000	
7			Xã Hồng Phong			1	4.520.000	2.712.000	
8			Xã Hưng Đạo			1	4.520.000	2.712.000	
9			Xã Hoà Bình			1	4.520.000	2.712.000	
10			Xã Hoa Thám	2022	Bộ	1	4.520.000	2.712.000	
11			Xã Mông Ân			1	4.520.000	2.712.000	
12			Xã Quang Trung			1	4.520.000	2.712.000	
13			Xã Quý Hoà			1	4.520.000	2.712.000	
14			Xã Tân Hoà			1	4.520.000	2.712.000	
15			Xã Thiện Hoà			1	4.520.000	2.712.000	
16			Xã Thiện Long			1	4.520.000	2.712.000	
17			Xã Thiện Thuật			1	4.520.000	2.712.000	
18			Xã Vĩnh Yên			1	4.520.000	2.712.000	
19			Xã Yên Lỗ			1	4.520.000	2.712.000	
	TỔNG CỘNG					**38**	**418.380.000**	**251.028.000**	

PHỤ LỤC IV

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN SANG UBND THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1763 /QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2023 (đồng)	Lý do điều chuyển
I	**Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre TC M70s**	**Ban quản lý dự án VILG tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**UBND thành phố Lạng Sơn**			**8**	**140.000.000**	**84.000.000**	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG tỉnh Lạng Sơn" đã kết thúc và không còn nhu cầu sử dụng các trang thiết bị phục vụ dự án. Việc điều chuyển tài sản nhằm tạo điều kiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và minh bạch của công tác quản lý đất đai tại các huyện, thành phố thực hiện dự án thông qua việc phát triển và thực hiện Hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu quốc gia
1			Phường Hoàng Văn Thụ	2022	Bộ	1	17.500.000	10.500.000	
2			Phường Đông Kinh			1	17.500.000	10.500.000	
3			Phường Chi Lăng			1	17.500.000	10.500.000	
4			Phường Vĩnh Trại			1	17.500.000	10.500.000	
5			Phường Tam Thanh			1	17.500.000	10.500.000	
6			Xã Mai Pha			1	17.500.000	10.500.000	
7			Xã Quảng Lạc			1	17.500.000	10.500.000	
8			Xã Hoàng Đồng			1	17.500.000	10.500.000	
II	**Máy in A4 Canon LBP 6230dn**	**Ban quản lý dự án VILG tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**UBND thành phố Lạng Sơn**			**8**	**36.160.000**	**21.696.000**	
1			Phường Hoàng Văn Thụ	2022	Bộ	1	4.520.000	2.712.000	
2			Phường Đông Kinh			1	4.520.000	2.712.000	
3			Phường Chi Lăng			1	4.520.000	2.712.000	
4			Phường Vĩnh Trại			1	4.520.000	2.712.000	
5			Phường Tam Thanh			1	4.520.000	2.712.000	
6			Xã Mai Pha			1	4.520.000	2.712.000	
7			Xã Quảng Lạc			1	4.520.000	2.712.000	
8			Xã Hoàng Đồng			1	4.520.000	2.712.000	
	TỔNG CỘNG					**16**	**176.160.000**	**105.696.000**	